

Số: 1845 /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án
nạo vét duy tu khu nước cầu cảng Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn
hàng hải khu vực I**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án nạo vét duy tu khu nước cầu cảng Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực I họp ngày 11/10/2021;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án nạo vét duy tu khu nước cầu cảng Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực I đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 1303/TKCN-KTVT ngày 18/10/2021 của Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án nạo vét duy tu khu nước cầu cảng Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực I (sau đây gọi là Dự án) của Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng giám sát sự tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với phương tiện thi công, vận chuyển, đổ chất nạo vét của dự án.

Vụ Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra sự tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Môi trường, Kết cấu hạ tầng giao thông; Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam; Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng; Tổng giám đốc Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Hải Phòng;
- Công TTĐT Bộ GTVT (để đăng tải);
- Lưu: VT, MT (5)^{Thuyết.}



Nguyễn Xuân Sang



PHỤ LỤC

Các nội dung yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án nạo vét duy tu khu nước cầu cảng Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực I

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1845 /QĐ-BGTVT ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

a) Tên dự án

Nạo vét duy tu khu nước cầu cảng Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực I.

b) Chủ dự án

- Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn Hàng hải Việt Nam
- Địa chỉ: Số 11A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
- Điện thoại: (024) 3.7833.646
- Fax: (024) 3.7833.646

c) Địa điểm thực hiện

Dự án nạo vét duy tu khu nước cầu cảng Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực I được triển khai tại phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

1.2. Phạm vi, quy mô thực hiện; các hạng mục công trình

a) Phạm vi, quy mô thực hiện dự án

Nạo vét 0.4 ha diện tích phía trong và phía ngoài cầu cảng Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực I đạt chuẩn tắc kỹ thuật như sau:

* Khu nước trước bến:

- Chiều rộng: $B_{\text{khu nước}} = 21.5\text{m}$
- Chiều dài: Bằng chiều dài tuyến bên cộng mở rộng sang mỗi bên 5m. Hai đầu được mở rộng sang 02 bên góc 135° .

- Cao độ nạo vét: -3.0m (hải độ)

* Khu nước sau bến:

- Chiều rộng: $B_{\text{khu nước}} = 17.0\text{m};$
- Chiều dài: Bằng chiều dài tuyến bên cộng đoạn mở rộng sang phải 5m và được mở rộng góc 135° .

- Cao độ nạo vét: -2.0m (hải độ)

* Luồng kết nối cho tàu Sar 273 vào khu nước sau bến:

- Chiều rộng: 20.04m;
- Cao độ đáy luồng: -2.0m (hải đồ)
- * Khối lượng nạo vét : 5.164,5 m³

Phạm vi nạo vét của dự án được giới hạn tại các tọa độ cụ thể sau:

Bảng 1. Tọa độ ranh giới các khu vực thi công nạo vét

STT	Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực 105° 45')	
		X	Y
1	A	2309590.48	599300.35
2	B	2309611.66	599278.77
3	C	2309612.27	599382.38
4	D	2309590.69	599360.95
5	E	2309612.37	599410.38
6	F	2309561.98	599361.74
7	G	2309561.56	599317.97

b) Bãi chứa chất nạo vét và tuyến đê ngăn bãi chứa

Bãi chứa chất nạo vét của dự án là khu đất thuộc bãi bồi ven sông ngoài đê tại xã Lâm Động, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng có dung tích bãi (đền cao độ + 4,7 m Hải đồ) là 569.934 m³ đã được UBND thành phố Hải Phòng chấp thuận tại văn bản số 5715/UBND-GT2 ngày 19/8/2021 được giới hạn bởi hệ thống đê bao hiện hữu có các tọa độ như sau:

Bảng 2. Tọa độ các điểm đặc trưng tìm tuyến đê bao

TT	Ký hiệu điểm	Hệ tọa độ VN 2000 - KTT 105° 45' Múi chiếu 3°	
		X (m)	Y (m)
1	BC-1	2310197.44	592501.93
2	BC-2	2310216.09	592814.86
3	BC-3	2310424.96	592878.15
4	BC-4	2310488.15	592515.06
5	BC-5	2310468.61	592485.69

Tuyến đê bao hiện trạng của bãi chứa đã được gia Công ty Cổ phần Thương mại Duy Linh gia cố tới cao độ +4.7m (hệ Hải đồ). Tuyến bờ bao được đắp bằng đất tận dụng tại chỗ, bảo đảm bền vững để tiếp nhận chất nạo vét.

d) Hồ trung chuyển

Hồ trung chuyển nằm về phía thượng lưu bãi chứa cách luồng ra vào bên đò

Lâm khoảng 100m, cách biên luồng hàng hải sông Cấm 60m, cách mép nước bờ đầm khoảng 65m; cự ly hút phun trung chuyển từ hồ trung chuyển chất nạo vét lên bãi chứa khoảng 700 mét có thông số kỹ thuật như sau:

- Kích thước : LxB = 120 x 40 m
- Độ sâu nạo vét : -4,5m(HĐ)

Hồ trung chuyển của dự án được giới hạn bởi các điểm có tọa độ như sau:

Bảng 3. Tọa độ các điểm giới hạn hồ trung chuyển

TT	Ký hiệu điểm	Hệ tọa độ VN 2000 (KTT 105° 45')	
		X (m)	Y (m)
1	A1	2310104.37	592614.49
2	B1	2310106.52	592734.42
3	C1	2310068.54	592735.86
4	D1	2310064.39	592615.87

Sau khi thi công xong hồ trung chuyển được Công ty Cổ phần Thương mại Duy Linh có trách nhiệm hoàn nguyên lại hiện trạng ban đầu.

1.3. Công nghệ thi công công trình

Sử dụng 01 máy đào gầu dây với dung tích gầu 2,3 m³ để nạo vét khu nước cầu cảng của Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Khu vực I.

Chất nạo vét được 02 sà lan mở đáy công suất 400 tấn vận chuyển về vị trí hồ trung chuyển, thả xuống hồ trung chuyển và được 01 tàu hút phun công suất ≤ 1.000 CV bơm chuyển lên bãi chứa.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

Bảng 4. Các tác động môi trường chính của dự án

TT	Hoạt động của dự án	Các tác động môi trường chính của dự án
1	Thi công nạo vét khu nước cầu cảng	a) Thay đổi chất lượng môi trường nước sông Cấm do: (1) hoạt động nạo vét khu nước cầu cảng của Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Khu vực I; (2) nước tràn từ khoang chứa của sà lan mở đáy ra môi trường; (3) thả chất nạo vét từ sà lan mở đáy xuống hồ trung chuyển; (4) bơm

TT	Hoạt động của dự án	Các tác động môi trường chính của dự án
2	Vận chuyển chất nạo vét từ khu vực nạo vét đến vị trí hồ trung chuyển	hút chất nạo vét từ hồ trung chuyển lên bãi chứa; (5) nước thải sinh hoạt của công nhân.
3	Thả chất nạo vét xuống hồ trung chuyển	b) Thay đổi chất lượng môi trường không khí do bụi và khí độc (TSP, CO, SO ₂ , NO ₂) phát sinh từ hoạt động của phương tiện, thiết bị tham gia thi công.
4	Bơm chuyển chất nạo vét lên bãi chứa	c) Phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại trong quá trình thi công và sinh hoạt của công nhân.
5	Hoạt động sinh hoạt của công nhân	d) Ảnh hưởng tới hệ sinh thái thủy sinh trong khu vực sông Cấm do thay đổi chất lượng các thành phần môi trường, sự cố môi trường trong quá trình thi công dự án.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

a) Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt chứa các chất lơ lửng, các hợp chất hữu cơ và các vi sinh vật phát sinh trong 8 ngày thi công từ sinh hoạt của tối đa 17 công nhân tham gia thi công với thể tích khoảng 1,19 m³/ngày đêm và phân tán trên các phương tiện thi công.

b) Nước tràn từ khoang chứa chất nạo vét của sà lan mở đáy, tàu hút bùn

Nước tràn từ khoang chứa chất nạo vét của các sà lan mở đáy có nồng độ chất rắn lơ lửng cao phát sinh trong khoảng 8 ngày thi công, vận chuyển chất nạo vét từ vị trí nạo vét về hồ trung chuyển.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Khí thải (TSP, SO₂, NO₂, CO) phát sinh từ hoạt động đốt nhiên liệu của các phương tiện thi công (cao nhất khoảng 4.728 lít dầu DO/ngày) trong 8 ngày trên phạm vi khu vực thi công nạo vét, vận chuyển, hồ trung chuyển.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt (gồm các chất vô cơ, chất hữu cơ không nguy hại như bịch nilon, bao bì, thức ăn thừa, gốc rau, vỏ mì tôm,...) phát sinh trong 8 ngày thi công từ hoạt động của tối đa 17 công nhân tham gia thi công với khối lượng khoảng 8,5 kg/ngày và phân tán trên các phương tiện thi công.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại (chủ yếu là: dầu thải, cặn dầu, nước lẫn dầu, giẻ lau dính dầu, ắc quy thải,...) phát sinh trong 8 ngày thi công do rò rỉ nhiên liệu, thay dầu bôi trơn, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị, phương tiện tham gia thi công hoặc từ hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường,... với khối lượng

phát sinh phụ thuộc vào tình trạng kỹ thuật, chu kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị, phương tiện.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a) Nước thải sinh hoạt

- Đối với nước thải vệ sinh: Phương tiện thủy tham gia thi công được trang bị nhà vệ sinh và được kiểm tra, chứng nhận về phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định tại QCVN 17:2011/BGTVT/SĐ2:2016.

- Đối với nước thải từ quá trình tắm giặt, rửa tay, ăn uống của công nhân: được thu gom riêng, lọc tách rác có kích thước lớn trước khi xả vào nguồn tiếp nhận; rác sau khi tách phải được thu gom, lưu giữ, xử lý theo yêu cầu tại mục 3.3.

- Quy định cán bộ, công nhân tham gia thi công không phóng uế bừa bãi, không thải trực tiếp nước thải ra môi trường xung quanh.

b) Nước tràn từ khoang chứa chất nạo vét của sà lan mở đáy, tàu hút bùn

- Sử dụng máy đào gầu dây, sà lan mở đáy đúng số lượng, chủng loại, công suất được duyệt.

- Thường xuyên kiểm tra các phương tiện chuyên chở chất nạo vét, đề phòng hư hỏng gây rò rỉ, rơi vãi bùn xuống nước gây vẩn đục dòng nước.

- Quy định cán bộ, công nhân tham gia thi công tuân thủ trọng tải của sà lan mở đáy.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

Phương tiện sử dụng trong thi công đúng số lượng, chủng loại, công suất được duyệt và được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Phương tiện thủy tham gia thi công được bố trí thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt chuyên dụng và được kiểm tra, chứng nhận về phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định của QCVN 17:2011/BGTVT/SĐ2:2016.

- Quy định cán bộ, công nhân tham gia thi công có trách nhiệm thu gom, lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt vào thùng chứa chuyên dụng trên phương tiện; không thải chất thải rắn sinh hoạt ra môi trường xung quanh.

- Lưu giữ tạm thời chất thải sinh hoạt trên phương tiện; định kỳ 02-03 ngày/lần thực hiện chuyên giao, lập biên bản bàn giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại thành phố Hải Phòng để thu gom, vận chuyển, xử lý phù hợp với quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Đối với dầu thải, nước lẫn dầu: phương tiện thủy tham gia thi công được bố trí thùng chứa, két chứa chuyên dụng, có dán nhãn tiêu chuẩn và được kiểm tra, chứng nhận về phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định của QCVN 17:2011/BGTVT/SĐ:2016.

- Đối với giẻ lau dính dầu: trang bị 01 thùng chứa chuyên dụng dung tích từ 20 lít - 40 lít màu đen hoặc màu vàng trên từng phương tiện thủy tham gia thi công; dán nhãn cảnh báo tiêu chuẩn theo quy định và bố trí thùng chứa tại vị trí có mái che.

- Quy định cán bộ, công nhân tham gia thi công có trách nhiệm lưu giữ chất thải nguy hại trong thùng chứa, két chứa trên phương tiện; không thải chất thải nguy hại ra môi trường xung quanh.

- Lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại trên phương tiện; thực hiện chuyển giao, lập chứng từ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại với tổ chức có chức năng trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo đúng quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP và Thông tư 36/2015/TT-BTNMT.

3.5. Các biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn

- Phương tiện sử dụng trong thi công đúng số lượng, chủng loại, công suất được duyệt và được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

- Tuân thủ biện pháp tổ chức thi công; trang bị bảo hộ lao động cá nhân giảm ồn cho công nhân vận hành phương tiện, máy móc, thiết bị thi công theo quy định.

3.6. Các công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố tràn dầu; sự cố tại nạn giao thông thủy

- Tuân thủ phương án bảo đảm an toàn giao thông được Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng phê duyệt trong thi công công trình.

- Phương tiện thủy tham gia thi công có đủ năng lực ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định tại Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg, QCVN 17:2011/BGTVT/SĐ:2016; bố trí gờ vây gom dầu cho két chứa, máy, thiết bị, khu vực bảo dưỡng, ... có sử dụng/phát sinh dầu trên mặt boong phương tiện.

- Thỏa thuận với đơn vị có chức năng ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn trước khi thi công công trình để phối hợp khi xảy ra sự cố tràn dầu.

b) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với sự cố vỡ đê bao

- Bảo đảm hệ thống đê bao bãi chứa được thi công, nghiệm thu theo đúng thiết kế.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình trạng bờ bao, mực nước trong bãi chứa so với chiều cao thiết kế của đê bao để có biện pháp gia cố phù hợp, kịp thời.

- Tạm dừng thi công phun chất nạo vét lên bãi chứa khi thấy hiện tượng rạn nứt, vỡ đê bao; tổ chức thực hiện gia cố lại đê bao, kiểm tra chất lượng đảm bảo an toàn trước khi tiếp tục thi công trở lại; thực hiện bơm lại phần chất nạo vét bị chảy ra ngoài môi trường xung quan trở lại bãi chứa; đền bù thiệt hại theo quy định.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

4.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án

Chủ dự án quản lý công tác bảo vệ môi trường của dự án thông qua:

a) Quy định trách nhiệm của nhà thầu thi công tuân thủ thực hiện các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường nêu tại mục 3 trong hợp đồng thi công công trình.

b) Thuê tổ chức tư vấn độc lập giám sát, đôn đốc nhà thầu thi công trong suốt thời gian thi công công trình.

c) Tổ chức bộ máy chuyên trách hướng dẫn, phổ biến công tác bảo vệ môi trường của dự án tới cán bộ, công nhân tham gia thi công; hàng ngày kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ môi trường của nhà thầu thi công và lập, lưu trữ biên bản đánh giá theo quy định của Thông tư số 32/2015/TT-BGTVT.

Chi tiết chương trình quản lý môi trường của chủ dự án tại mục 4.1 Chương 4 Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được duyệt.

4.2. Chương trình giám sát môi trường của chủ dự án

a) Giám sát nước thải

- Nội dung giám sát: giám sát việc tuân thủ thực hiện các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải nêu tại mục 3.1 Phụ lục này.

- Vị trí giám sát: trên các phương tiện thủy tham gia thi công và bãi chứa chất nạo vét.

- Đơn vị chịu trách nhiệm giám sát: Tư vấn giám sát thi công.

- Tần suất giám sát: hàng ngày trong suốt thời gian thi công công trình.

- Tần suất báo cáo: 01 tuần/lần

b) Giám sát chất thải rắn sinh hoạt

- Nội dung giám sát: giám sát khối lượng phát sinh và việc tuân thủ thực hiện các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nêu tại mục 3.3 Phụ lục này.

- Vị trí giám sát: trên các phương tiện thủy tham gia thi công và bãi chứa chất nạo vét.

- Đơn vị chịu trách nhiệm giám sát: Tư vấn giám sát thi công.

- Tần suất: hàng ngày trong suốt thời gian thi công công trình.

- Tần suất báo cáo: 01 tuần/lần.

c) Giám sát chất thải nguy hại

- Nội dung giám sát: giám sát khối lượng phát sinh và việc tuân thủ thực hiện các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nêu tại mục 3.4 Phụ lục này.

- Vị trí giám sát: trên các phương tiện thủy tham gia thi công và bãi chứa chất nạo vét.

- Đơn vị chịu trách nhiệm giám sát: Tư vấn giám sát thi công.

- Tần suất: hàng ngày trong suốt thời gian thi công công trình.

- Tần suất báo cáo: 01 tuần/lần./.